



SADAKIM

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

SADAKIM

Mechanical Engineering & Metallurgy J.S.Co.

Tel: 0613835390, 3836170, fax: 0613836774, 3834899

Website: www.sadakim.vn , Email: sadakim@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM
Năm báo cáo.2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM
- Tên viết tắt: SADAKIM
- Tên tiếng anh: Mechanical Engineering & Metallurgy J.S.Co.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600869728
- Vốn điều lệ: 26.000.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 26.000.000.000 VND
- Địa chỉ: Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, P An Bình, TP Biên Hòa, T Đồng Nai, Việt Nam
- Số điện thoại: 0613836170
- Số fax: 0613836774
- Website: sadakim.vn

2. Mã cổ phiếu : SDK

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

+ Ngày thành lập: Công ty được thành lập ngày 1-2-2007 trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Cơ khí Luyện kim thuộc Công ty thép Miền Nam (hoạt động từ năm 1976).

+ Thời điểm niêm yết trên sàn UPCOM: ngày 28 tháng 10 năm 2010.

+ Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Ngày 27 tháng 12 năm 2006 Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty, đại hội đã bầu Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên do Ông Phạm Mạnh Cường làm chủ tịch, Ban kiểm soát gồm 3 thành viên do ông Nguyễn Thanh Hùng làm trưởng ban.

Ngày 30 tháng 3 năm 2012 Đại hội đồng cổ đông năm 2012 nhiệm kỳ 2 (2012-2017), đại hội đã bầu lại Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên do ông Nguyễn Xuân Sơn làm chủ tịch, ban kiểm soát gồm 3 thành viên do bà Hoàng Lê Ánh làm trưởng ban.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

Sau khi thay đổi bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký lần đầu ngày 9 tháng 1 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/11/2013 hiện nay ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: : Chế tạo các sản phẩm cơ khí. Chế tạo, lắp ráp hoàn chỉnh máy móc thiết bị, cụm thiết bị.	2599
2	Sản xuất các cấu kiện kim loại : Chế tạo các sản phẩm kết cấu và xây lắp công nghiệp.	2511
3	Đúc sắt thép : Luyện và đúc các sản phẩm bằng kim loại đen.	2431
4	Đúc kim loại màu : Luyện và đúc các sản phẩm bằng kim loại màu.	2432
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác : Bán buôn máy móc thiết bị.	4659
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu : Bán buôn vật tư các loại, nguyên liệu, vật liệu trong ngành cơ khí, luyện kim.	4669
7	Tái chế phế liệu : Xử lý các phế liệu kim loại.	3830
8	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật : Phân tích mẫu kim loại.	7120
9	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp : Chế tạo, sửa chữa và bảo trì thiết bị cầu trục.	2816
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê : Cho thuê kho, bãi.	6810
11	(doanh nghiệp phải thực hiện theo văn bản số 1253/KCNĐN-ĐT ngày 20 tháng 10 năm 2009 của ban quản lý các khu công nghiệp Đồng nai)/.	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt nam

– Địa bàn kinh doanh:

Khách hàng của Công ty bao gồm cả trong nước và xuất khẩu, với cơ cấu ngành hàng như sau:

STT	Ngành hàng	Doanh thu năm 2012	Doanh thu năm 2013	Tỷ trọng 2013 (%)	% so cùng kỳ
1	Ngành thép	57.914.289.414	51.779.990.967	37,33	89,41
2	Xuất khẩu	28.757.158.185	48.860.159.109	35,23	169,91
3	Ngành mía đường	16.433.504.545	12.583.602.900	9,07	76,57
4	Ngành cao su	11.554.543.980	9.554.924.900	6,89	82,69
5	Ngành xi măng, khai thác đá	3.269.131.500	2.110.757.000	1,52	64,57
6	Ngành cấp thoát nước	3.022.793.862	9.218.457.000	6,65	304,96
7	Ngành khác	2.408.272.761	4.593.057.343	3,31	190,72
	Tổng cộng	123.359.694.247	138.700.949.219	100,00	112,44

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị. Công ty cổ phần hoạt động theo luật doanh nghiệp:
- + Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty.
- + Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra thực hiện quyền quản trị công ty.
- + Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra kiểm soát các mặt kinh doanh của công ty.
- + Ban điều hành được Hội đồng quản trị bầu ra điều hành các mặt hoạt động của công ty.
- Cơ cấu bộ máy quản lý.

TT	Đơn vị	Số người	Số tổ	Ghi chú
1	Tổng Giám đốc	01		
2	Phó Tổng giám đốc	01		
3	Phòng kế hoạch kinh doanh	10	1	Tổ kho thuộc phòng
4	Phòng kỹ thuật	7		
5	Phòng tài chính kế toán	4		
6	Phòng tổ chức hành chính	18	1	Đội bảo vệ trực thuộc phòng
7	Xưởng Đúc	95	7	
8	Xưởng gia công cơ khí – Rèn	68	7	
9	Xưởng gia công kết cấu	25	3	
10	Ban KCS	8		
	Cộng	237		

- Công ty liên kết: Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP sở hữu 45% vốn của Công ty.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
- + Phục vụ tốt các yêu cầu của khách hàng trong nước trong đó ưu tiên khách hàng thuộc Tổng công ty thép Việt nam-CTCP.
- + Tập trung đầu tư vào công nghệ đúc, gia công cơ khí, hàn kết cấu để tăng dần cơ cấu doanh thu hàng xuất khẩu (xác định tập trung đầu tư cho công nghệ Đúc để tăng sản lượng hàng xuất khẩu) tạo tiền đề cho quá trình đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, doanh thu của công ty.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
- + Phát triển đồng bộ các mặt để xây dựng thương hiệu Sadakim trở thành thương hiệu mạnh trên thị trường.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
- + Thực hiện tốt mục tiêu quản lý chất lượng theo ISO 9001-2008 công ty đã áp dụng từ năm 2000 đến nay.
- + Duy trì tốt mảng công viên cây xanh của công ty, từng bước cải tạo công nghệ, nhà xưởng, môi trường làm việc để áp dụng ISO 14000 vào những năm tiếp theo.

6. Các rủi ro:

- Tình hình suy thoái kinh tế thế giới, bất ổn nhiều khu vực chưa có dấu hiệu phục hồi.
- Tình hình kinh tế trong nước còn rất khó khăn do nợ xấu ngành ngân hàng, tồn kho sản phẩm, bất động sản tiếp tục suy yếu, làm cho các ngành kinh tế có sử dụng sản phẩm dịch vụ của công ty còn rất khó khăn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	% 2013/2012
I	Về Sản Xuất				
1	Thép và gang đúc	Tấn	3.003,95	3.716,12	123,70
2	Gia công cơ khí - rèn	Tấn	1.817,10	1.972,00	108,52
3	Gia công kết cấu	Tấn	398,40	433,74	108,87
II	Chỉ Tiêu Tài Chính				
1	Doanh thu	Tr. đ	123.359,69	138.700,94	112,44
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đ	4.018,43	7.357,02	183,08

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Xuân Sơn	Tổng Giám đốc	650.000	25,00
		Cá nhân	1.800	0,07
2	Vũ Văn Hiến	Phó Tổng giám đốc	260.000	10,00
		Cá nhân	22.100	0,85
3	Đỗ Xuân Quang	Kế toán trưởng	2.800	0,11

- Những thay đổi trong ban điều hành:

Không có thay đổi trong năm 2013

- Số lượng cán bộ, nhân viên.

+ Công ty thực hiện ký hợp đồng với tất cả CBCNV trong công ty, người lao động được hưởng các chế độ chính sách theo đúng luật lao động, việc làm tiền lương, chăm lo bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại .vv... cho người lao động đảm bảo. Ngoài ra công ty còn thực hiện tham quan du lịch cho tất cả CBCNV.

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% so cùng kỳ
Tổng số lao động bình quân năm	257	237	92,21
Lương bình quân: đồng/người/tháng	7.736.246	9.110.000	117,75

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư trong năm:

TT	Tên thiết bị - công trình	Số lượng	Giá trị KH (đ)	Giá trị thực hiện(đ)
1	Máy tiện ngang Ø 1100 x 6000	1	1.500.000.000	Đang thực hiện
2	Lò nhiệt luyện 2000 kg	1	400.000.000	Không thực hiện
3	Máy tiện CNC Ø 1100 x 6000 (máy cũ)	1	1.500.000.000	Đang thực hiện
4	Máy doa (máy cũ)	1	1.500.000.000	Đang thực hiện
5	Cụm máy tái sinh Furan	1	1.500.000.000	Đang thực hiện
6	Xe nâng 5 tấn	1	800.000.000	761.390.000
7	Xe bốn chỗ	1	1.600.000.000	1.796.181.818
8	Xe cạp và ủi bánh lốp	1	500.000.000	320.000.000
9	Máy lóc tole (d<25mm)	1	800.000.000	997.532.852
10	Nhà vệ sinh xưởng Cơ khí - Rèn	1	Kế hoạch bổ sung	406.650.000
11	Dàn lăn dây truyền làm khuôn Furan	1	Kế hoạch bổ sung	128.317.695
12	Palang cáp điện công trực 3 tấn	1	Kế hoạch bổ sung	61.000.000
13	Mở rộng nhà xưởng đúc	1	Kế hoạch bổ sung	2.375.700.188
14	Máy phát điện	1	Kế hoạch bổ sung	295.000.000
15	Máy khoan kim loại OKUMA	1	Kế hoạch bổ sung	105.000.000
	Tổng		10.100.000.000	7.246.772.559

* So với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông năm 2013 phê duyệt chỉ đạt được :
= 71,75 %

b) Các công ty con, công ty liên kết: không có phát sinh trong năm.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	%
	A	1	2	3 = 1:2
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	138.787.291.719	123.815.527.447	112,09
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	86.342.500	455.833.200	18,72
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	138.700.949.219	123.359.694.247	112,44
4	Giá vốn hàng bán	120.030.740.858	108.361.118.775	110,76
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.670.208.361	14.998.575.472	124,47
6	Doanh thu hoạt động tài chính	141.465.596	90.338.574	156,59
7	Chi phí tài chính	383.148.829	880.635.088	43,50
	Trong đó: chi phí lãi vay			
8	Chi phí bán hàng	1.152.792.049	1.229.300.213	93,77

TT	Chi tiêu	Năm 2013	Năm 2012	%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.552.766.863	9.269.755.649	113,84
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.722.966.216	3.709.223.096	181,24
11	Thu nhập khác	830.389.525	380.264.688	218,37
12	Chi phí khác	196.335.042	71.056.365	276,31
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	634.054.483	309.208.323	205,05
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.357.020.699	4.018.431.419	183,08
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	835.849.389	269.436.670	310,22
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.521.171.310	3.748.994.749	173,94
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.508	1.441	174,04

– Các chỉ tiêu khác:

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2012
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	74,17	76,14
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	25,83	23,86
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	33,55	27,87
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	66,45	72,13
<i>Khả năng thanh toán</i>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,98	3,59
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,21	2,73
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,36	0,25
<i>Tỷ suất lợi nhuận</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	5,30	4,25
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4,66	4,02
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	12,56	9,53
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	11,14	9,01
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	16,76	11,18

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 2.600.000 cổ phần với mã giao dịch SDK tại sàn UPCOM.

- Tổng số nhà đầu tư: 191, trong đó:

+ 189 cá nhân nắm giữ : 1.429.937 CP

+ Công ty cổ phần chứng khoán Viễn đông nắm giữ: 63 CP.

+ Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP nắm giữ: 1.170.000 CP

- Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông

b) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không.

- c) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không.
- d) Các chứng khoán khác: không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

III-1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

A- ĐẶC ĐIỂM CHUNG:

- Thuận lợi:
 - Được sự giúp đỡ của Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP và các công ty bạn trong hệ thống VNSTEEL.
 - Tập thể CBCNV đoàn kết, quyết tâm cao thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đời sống.
 - Thương hiệu SADAKIM đã có tín nhiệm trên thị trường.
- Khó khăn:
 - Tình hình kinh tế Thế giới vẫn trong suy thoái trên quy mô lớn,
 - Việt Nam tình hình cũng không nằm ngoài xu hướng chung của thế giới, cầu của thị trường suy giảm.
 - Nhiều doanh nghiệp có sử dụng sản phẩm và dịch vụ của công ty tiết giảm sản xuất.

B- THỰC HIỆN NĂM 2013:

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	% so KH	% so cùng kỳ
1	X. Đúc	Tấn	3.100	3.003,95	3.716,12	119,87	123,70
2	X.Cơ khí - Rèn	Tấn	1.800	1.817.1	1.972,00	109,55	108,52
3	X.GC & Kết cấu	Tấn	350	398,4	433,74	123,92	108,87
4	Tổng sản lượng	Tấn	5.250	5.219.45	6.121,86	116,60	117,28
5	Doanh thu	Tr đ	127,5	123.359,69	138.700,94	108,78	112,43
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	5,0	4.018,43	7.357,02	147,14	183,08
7	TS lao động bình quân	Người		257	237		92,21
8	Lương bình quân đ/người/tháng	Đồng		7.736.246	9.110.000		117,75

2. Công tác Marketing – khách hàng:

Công tác phát triển nguồn hàng là nhiệm vụ trọng tâm của công ty. Ngoài thị trường chính là phụ tùng, thiết bị ngành luyện cán thép mà còn mở rộng hơn nữa phạm vi đối với các khách hàng ngành mía đường, khai thác đá, cấp thoát nước và vật liệu xây dựng.

Hướng trọng tâm vào làm hàng xuất khẩu với các đối tác Nhật bản (Toshiba, Mrubeni...), Đức (Roeders).

3. Chất lượng sản phẩm:

* Coi chất lượng sản phẩm quyết định đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, duy trì hoạt động có hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng theo ISO9001- 2008.

* Tiếp tục duy trì chất lượng sản phẩm ở mức tốt nhất phục vụ tất cả khách hàng của công ty.

C- ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1/ Công tác chỉ đạo sản xuất:

Toàn công ty có nhiều cố gắng nên sản xuất từ đầu năm đến nay ổn định.

Công tác chỉ đạo sản xuất chỉ đạo quyết liệt nhằm giảm được các chỉ tiêu về tiêu hao vật tư, lao động, rút ngắn thời gian giao hàng, tích cực thu hồi công nợ, giảm chi phí tài chính.

2/ Công tác quản lý:

Công ty tiếp tục sắp xếp, tổ chức sản xuất ở các xưởng, đào tạo công nhân theo hướng làm tốt nhiều việc trong dây chuyền sản xuất, cùng với chủ trương một người có thể đứng được nhiều máy gia công cơ khí.

Công tác chuẩn bị sản xuất: Đáp ứng đủ vật tư cho sản xuất, đã có nhiều cố gắng tìm kiếm nguồn hàng đủ cho sản xuất, công tác bảo trì có tiến bộ, nhưng việc duy trì bảo dưỡng theo ISO chưa đầy đủ.

3/ Kết luận:

Trong điều kiện khó khăn như hiện nay, đạt được kết quả trên đây là đáng khích lệ, là sự cố gắng của lãnh đạo, cũng như của tập thể CBCNV trong công ty.

III-2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

STT	NỘI DUNG	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I	Tài sản ngắn hạn	43.418.577.560	34.486.003.858
	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.060.809.554	2.157.502.615
	2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
	3. Các khoản phải thu	18.732.036.732	12.597.058.481
	4. Hàng tồn kho	17.073.405.737	19.319.036.866
	5. Tài sản ngắn hạn khác	552.325.537	412.405.896
II	Tài sản dài hạn	15.122.769.570	10.295.466.585
	1. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
	2. Tài sản cố định hữu hình	15.061.769.570	10.295.466.585
	3. Tài sản dài hạn khác	61.000.000	
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	58.541.347.130	44.781.470.443
IV	Nợ phải trả	19.642.741.947	9.131.646.570
	1. Nợ Ngắn hạn	19.642.741.947	9.131.646.570
	2. Nợ Dài hạn	-	-
V	Vốn chủ sở hữu	38.898.605.183	35.649.823.873
I	Vốn chủ sở hữu	38.898.605.183	35.649.823.873
	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.000.000.000	26.000.000.000
	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-
	3. Quỹ đầu tư phát triển	4.911.835.000	4.611.915.000
	4. Quỹ dự phòng tài chính	1.441.262.000	1.253.812.000
	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.545.508.183	3.784.096.873
	II Nguồn kinh phí, quỹ khác		-
	1. Nguồn kinh phí		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	58.541.347.130	44.781.470.443

- b) Tình hình nợ phải trả
- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ. Không có biến động lớn.
 - Phân tích nợ phải trả xấu. Không có

III-3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tuyển dụng thêm lao động có trình độ, năng lực làm công tác kinh doanh, kỹ thuật và quản lý để đào tạo bồi dưỡng nguồn cán bộ cho vài ba năm tới.
- Đầu tư mở rộng, nâng cao năng lực tăng sản lượng sản phẩm đúc, đầu tư có chọn thiết bị cho xưởng gia công cơ khí – rèn và xưởng gia công kết cấu để nâng cao giá trị gia tăng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*
 - Năm 2013 tình hình kinh tế xã hội nói chung rất khó khăn, đơn hàng trong nước nhận được giảm sút nhiều, nhưng do có tính chủ động cao Hội đồng quản trị đã chỉ đạo quyết liệt nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm đã vượt kế hoạch về doanh thu: 108,78%, về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế so kế hoạch đạt: 147,14% , so với cùng kỳ đạt 183,08%
 - Thu nhập của người lao động tăng bình quân thu nhập đ/người/tháng = 9.110.000 so với cùng kỳ = 117,75%, tác phong làm việc của người lao động nhất là cán bộ quản lý đầu ngành tiến bộ nhiều.
2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*
 - Ban Tổng giám đốc trong năm đã chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống văn hóa của công ty một cách năng động, sâu sát, các biện pháp quản lý đưa ra đúng nên được người lao động và cán bộ thực hiện nghiêm túc.
 - Công tác quan hệ khách hàng, mở rộng nguồn hàng đặc biệt là chủ trương của Tổng giám đốc chỉ đạo làm hàng xuất khẩu đã đạt những kết quả và hướng đi tốt cho công ty.
3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*
 - Đầu tư nâng sản lượng và chất lượng sản phẩm. Củng cố thương hiệu Sadakim trên thị trường.
 - Phân đầu năm 2014 tăng doanh thu bán hàng và lợi nhuận theo định hướng kế hoạch như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2014	Ghi chú
Thép và gang đúc	Tấn	3.300	
Gia công Cơ khí – Rèn	Tấn	1.850	
Gia công kết cấu	Tấn	350	
Doanh thu	Tỷ đồng	133	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7	
Chia cổ tức	%	16	

Để thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014, Công ty đề ra kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển như sau:

TT	Tên thiết bị, phương tiện	ĐVT	Giá trị dự tính	Ghi chú
1	Mở rộng mặt bằng xưởng Đúc (Furan)	Tỷ đồng	2,5	
2	Máy doa ngang	Tỷ đồng	1,2	
3	Máy phay CNC	Tỷ đồng	1,5	
4	Cụm tái sinh cát Furan	Tỷ đồng	2,0	
5	Cầu trục 2 dầm 5 tấn	Tỷ đồng	0,5	
6	Thiết bị cắt CNC & máy đo độ cứng	Tỷ đồng	0,66	
	Cộng		8,36	
7	Máy tiện CNC	Tỷ đồng	3,5	Đề nghị bổ sung thêm
	Cộng		11,86	

V. Báo cáo tình hình Quản trị công ty .

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức danh	CP nắm giữ	% VĐL	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Sơn - Đại diện vốn VNSteel - Vốn cá nhân	Chủ tịch HDQT	650.000 1.800	25,00 0,07	Thành viên điều hành
2	Vũ Văn Hiến - Đại diện vốn VNSteel - Vốn cá nhân	UVHDQT	260.000 22.100	10,00 0,85	Thành viên điều hành
3	Hồ Văn Ích Em -Đại diện vốn VNSteel	UVHDQT	260.000	10,00	Thành viên không điều hành
4	Nguyễn Thái Thiện	UVHDQT	156.000	6,00	Thành viên độc lập
5	Nguyễn Ngô Long	UVHDQT	100.000	3,85	Thành viên độc lập

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch	4	100%	
2	Vũ Văn Hiến	Ủy viên	4	100%	
3	Hồ Văn Ích Em	Ủy viên	4	100%	
4	Nguyễn Thái Thiện	Ủy viên	4	100%	
5	Nguyễn Ngô Long	Ủy viên	4	100%	

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

- Các thành viên Hội đồng quản trị công ty độc lập không tham gia điều hành đã thường xuyên nhận báo cáo quý, tham gia các cuộc họp thường kỳ của HĐQT, tích cực tham gia xây dựng chiến lược phát triển công ty, tìm thêm nguồn hàng giới thiệu cho công ty thực hiện.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	CP năm giữ	% VĐL	Ghi chú
1	Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban	0	0	Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP cử
2	Ngô Thế Hiến	Ủy viên	53.000	2,04	
3	Bùi Văn Tương	Ủy viên	400	0,001538	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Các thành viên ban kiểm soát có năng lực, trình độ về chuyên ngành kế toán và quản lý, am hiểu sâu về công ty.

Ban kiểm soát hoạt động thường xuyên trong năm, hàng quý họp để xem xét tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, các báo cáo của ban kiểm soát đánh giá sát tình hình công ty, các số liệu phân tích chuẩn xác. Ban kiểm soát họp 4 lần/ năm. Ban kiểm soát được mời tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao, các khoản lợi ích HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký công ty:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/năm (đ)	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch	48.000.000	
2	Vũ Văn Hiến	Ủy viên HĐQT	36.000.000	
3	Hồ Văn Ích Em	Ủy viên HĐQT	36.000.000	
4	Nguyễn Thái Thiện	Ủy viên HĐQT	36.000.000	
5	Nguyễn Ngô Long	Ủy viên HĐQT	36.000.000	
6	Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban kiểm soát	36.000.000	
7	Ngô Thế Hiến	Ủy viên BKS	24.000.000	
8	Bùi Văn Tương	Ủy viên BKS	24.000.000	
9	Phạm Văn Tồn	Thư ký công ty	24.000.000	
	Cộng		300.000.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm có 1 thành viên HĐQT độc lập có giao dịch cổ phiếu qua sàn, quá trình thực hiện có thực hiện thông báo với sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, số lượng cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	CP năm giữ trước giao dịch	CP năm giữ sau giao dịch
1	Nguyễn Thái Thiện	Ủy viên HĐQT	130.000	156.000

Các thành viên khác của HĐQT và Ban kiểm soát không có giao dịch.

- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.
- d) Danh sách người có liên quan: (theo phụ lục đính kèm)
- e) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

VI. Báo cáo tài chính (Xem phụ lục đính kèm)

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp).

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Handwritten signature in blue ink.

Nguyễn Xuân Sơn